

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

|                                    |                                                                                   |                                  |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>B24.464/TTQT</b><br><b>0849</b> | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b> | Ngày: 01/11/2024<br>Trang: 01/01 |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|

|                                             |   |                                                                                                                    |
|---------------------------------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Vị trí đo<br><i>Measurement Location</i> | : | Khí thải trong lòng ống khói tại khu vực xưởng sản xuất thép cuộn cán nguội (CAL01). Tọa độ X: 1174993; Y: 422777. |
| 2. Ngày đo<br><i>Date of measurement</i>    | : | 22/10/2024.                                                                                                        |
| 3. Khách hàng<br><i>Customer</i>            | : | Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.                                                               |
| 4. Kết quả đo<br><i>Measurement result</i>  | : |                                                                                                                    |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i>     | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN<br>51:2017/BTNMT |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| 1. Bụi tổng                      mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA 17                                                           | <1,0                     | 200                   |
| 2. Lưu lượng                      m <sup>3</sup> /h | US EPA 02                                                           | 55.140                   | -                     |
| 3. Khí SO <sub>2</sub> mg/Nm <sup>3</sup>           | SOP-PQT-KT01                                                        | 7,9                      | 500                   |
| 4. Khí NO <sub>x</sub> mg/Nm <sup>3</sup>           | SOP-PQT-KT01                                                        | 152,3                    | 850                   |
| 5. Khí CO                      mg/Nm <sup>3</sup>   | SOP-PQT-KT01                                                        | 65,0                     | 1.000                 |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.  
-: Không quy định.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**

**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Sơn**

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |                                                                                            |                               |
| <p><b>B24.465/TTQT</b><br/><b>0850</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <p><b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br/><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <p>Ngày: 01/11/2024<br/>Trang: 01/01</p>                                                                                                                                                                                                                         |                               |
| <p>1. Vị trí đo : Khí thải trong lòng ống khói tại khu vực xưởng sản xuất thép cuộn cán nguội (CAL02). Tọa độ X: 1174987; Y: 422816.<br/><i>Measurement Location</i></p> <p>2. Ngày đo : 22/10/2024.<br/><i>Date of measurement</i></p> <p>3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel &amp; Nippon Steel Việt Nam.<br/><i>Customer</i></p> <p>4. Kết quả đo :<br/><i>Measurement result</i></p>                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                               |
| <p>Tên chỉ tiêu<br/><i>Name of measurement norm</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <p>Thiết bị đo/Phương pháp<br/><i>Methods/Equipment for measurement</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <p>Kết quả<br/><i>Result</i></p>                                                                                                                                                                                                                                 | <p>QCVN<br/>51:2017/BTNMT</p> |
| 1. Bụi tổng mg/Nm <sup>3</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | US EPA 17                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1,7                                                                                                                                                                                                                                                              | 200                           |
| 2. Lưu lượng m <sup>3</sup> /h                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | US EPA 02                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 11.376                                                                                                                                                                                                                                                           | -                             |
| 3. Khí SO <sub>2</sub> mg/Nm <sup>3</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | SOP-PQT-KT01                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2,6                                                                                                                                                                                                                                                              | 500                           |
| 4. Khí NO <sub>x</sub> mg/Nm <sup>3</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | SOP-PQT-KT01                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2,6                                                                                                                                                                                                                                                              | 850                           |
| 5. Khí CO mg/Nm <sup>3</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | SOP-PQT-KT01                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <1,1                                                                                                                                                                                                                                                             | 1.000                         |
| <p>* <b>Ghi chú:</b></p> <p>Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&amp;MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.<br/>-: Không quy định.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                               |
| <p><b>PHÓ TRƯỞNG PHÒNG</b><br/><b>DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG</b></p> <p><br/><b>Phạm Văn Canh</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <p><b>GIÁM ĐỐC</b><br/><b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b></p> <p><br/><br/><b>Nguyễn Xuân Sơn</b></p> |                               |
| <p>Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.<br/>This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.</p> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                               |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                       |                           |                               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |                                                                                       |                           |                               |
| <b>B24.516/TTQT<br/>0893</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG<br/>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ngày: 07/11/2024<br>Trang: 01/01                                                      |                           |                               |
| <p>1. Vị trí đo : Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại xưởng sản xuất thép<br/>Measurement Location điện từ (ACL01). Toạ độ X: 1174826; Y: 422824.</p> <p>2. Ngày đo : 31/10/2024.<br/>Date of measurement</p> <p>3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel &amp; Nippon Steel Việt Nam.<br/>Customer</p> <p>4. Kết quả đo :<br/>Measurement result</p>                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                       |                           |                               |
| <p>Tên chỉ tiêu<br/>Name of measurement norm</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <p>Thiết bị đo/Phương pháp<br/>Methods/Equipment for measurement</p>                  | <p>Kết quả<br/>Result</p> | <p>QCVN<br/>51:2017/BTNMT</p> |
| 1. Bụi tổng mg/Nm <sup>3</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | US EPA 17                                                                             | 3,4                       | 200                           |
| 2. Lưu lượng m <sup>3</sup> /h                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | US EPA 02                                                                             | 8.886                     | -                             |
| 3. Khí SO <sub>2</sub> mg/Nm <sup>3</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | SOP-PQT-KT01                                                                          | 21,0                      | 500                           |
| 4. Khí NO <sub>x</sub> mg/Nm <sup>3</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | SOP-PQT-KT01                                                                          | <1,9                      | 850                           |
| 5. Khí CO mg/Nm <sup>3</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | SOP-PQT-KT01                                                                          | <1,1                      | 1000                          |
| <p><b>*Ghi chú:</b><br/>Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&amp;MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.<br/>-: Không quy định.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                       |                           |                               |
| <p><b>PHÓ TRƯỞNG PHÒNG<br/>DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG</b></p> <p></p> <p><b>Phạm Văn Canh</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <p><b>GIÁM ĐỐC<br/>PHÓ GIÁM ĐỐC</b></p> <p></p> <p></p> <p><b>Nguyễn Xuân Sơn</b></p> |                           |                               |
| <p>Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.<br/>This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.</p> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                       |                           |                               |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|                              |                                                                             |                                  |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>B24.488/TTQT<br/>0919</b> | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG<br/>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b> | Ngày: 11/11/2024<br>Trang: 01/01 |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|

1. Vị trí đo : Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép  
*Measurement Location* điện từ (ACL02). Tọa độ X = 1174829; Y = 422730.
2. Ngày đo : 28/10/2024.  
*Date of measurement*
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.  
*Customer*
4. Kết quả đo :  
*Measurement result*

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i> | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN<br>51:2017/BTNMT |
|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| 1. Bụi tổng mg/Nm <sup>3</sup>                  | US EPA 17                                                           | 3,0                      | 200                   |
| 2. Lưu lượng m <sup>3</sup> /h                  | US EPA 02                                                           | 27.277                   | -                     |
| 3. Khí SO <sub>2</sub> mg/Nm <sup>3</sup>       | SOP-PQT-KT01                                                        | <2,6                     | 500                   |
| 4. Khí NO <sub>x</sub> mg/Nm <sup>3</sup>       | SOP-PQT-KT01                                                        | 112                      | 850                   |
| 5. Khí CO mg/Nm <sup>3</sup>                    | SOP-PQT-KT01                                                        | 35,3                     | 1000                  |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.  
-: Không quy định.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Phạm Văn Canh

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                              |                                  |                               |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sạch, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |                                                                                              |                                  |                               |
| <p><b>B24.517/TTQT</b><br/><b>0894</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <p><b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br/><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <p>Ngày: 07/11/2024<br/>Trang: 01/01</p>                                                     |                                  |                               |
| <p>1. Vị trí đo : Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại xưởng sản xuất thép<br/><i>Measurement Location</i> : điện từ (ACL03). Tọa độ X = 1174829; Y: 422709.</p> <p>2. Ngày đo : 31/10/2024.<br/><i>Date of measurement</i></p> <p>3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel &amp; Nippon Steel Việt Nam.<br/><i>Customer</i></p> <p>4. Kết quả đo :<br/><i>Measurement result</i></p>                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                              |                                  |                               |
| <p>Tên chỉ tiêu<br/><i>Name of measurement norm</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <p>Thiết bị đo/Phương pháp<br/><i>Methods/Equipment for measurement</i></p>                  | <p>Kết quả<br/><i>Result</i></p> | <p>QCVN<br/>51:2017/BTNMT</p> |
| 1. Bụi tổng mg/Nm <sup>3</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | US EPA 17                                                                                    | <1,0                             | 200                           |
| 2. Lưu lượng m <sup>3</sup> /h                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | US EPA 02                                                                                    | 58.068                           | -                             |
| 3. Khí SO <sub>2</sub> mg/Nm <sup>3</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | SOP-PQT-KT01                                                                                 | <2,6                             | 500                           |
| 4. Khí NO <sub>x</sub> mg/Nm <sup>3</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | SOP-PQT-KT01                                                                                 | 17,9                             | 850                           |
| 5. Khí CO mg/Nm <sup>3</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | SOP-PQT-KT01                                                                                 | 10,3                             | 1000                          |
| <p>* <b>Ghi chú:</b></p> <p>Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&amp;MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.</p> <p>-: Không quy định.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                              |                                  |                               |
| <p><b>PHÓ TRƯỞNG PHÒNG</b><br/><b>DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG</b></p> <p></p> <p><b>Phạm Văn Canh</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <p><b>GIÁM ĐỐC</b><br/><b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b></p> <p></p> <p></p> <p><b>Nguyễn Xuân Sơn</b></p> |                                  |                               |
| <p>Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên./<br/>This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value<br/>in time and location of measurement as reminding above.</p> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                              |                                  |                               |

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sạch, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |   |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                    |                                                                                   |                                  |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>B24.513/TTQT</b><br><b>0890</b> | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b> | Ngày: 07/11/2024<br>Trang: 01/01 |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|

|                                             |                                                                                                             |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Vị trí đo<br><i>Measurement Location</i> | : Khí thải trong lòng ống khói của xưởng sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL01). Tọa độ X = 1174894; Y = 422812. |
| 2. Ngày đo<br><i>Date of measurement</i>    | : 31/10/2024.                                                                                               |
| 3. Khách hàng<br><i>Customer</i>            | : Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.                                                      |
| 4. Kết quả đo<br><i>Measurement result</i>  | :                                                                                                           |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i> | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN<br>51:2017/BTNMT |
|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| 1. Bụi tổng      mg/Nm <sup>3</sup>             | US EPA 17                                                           | 1,5                      | 200                   |
| 2. Lưu lượng      m <sup>3</sup> /h             | US EPA 02                                                           | 64.532                   | -                     |
| 3. Khí SO <sub>2</sub> mg/Nm <sup>3</sup>       | SOP-PQT-KT01                                                        | 26,2                     | 500                   |
| 4. Khí NO <sub>x</sub> mg/Nm <sup>3</sup>       | SOP-PQT-KT01                                                        | 54,7                     | 850                   |
| 5. Khí CO      mg/Nm <sup>3</sup>               | SOP-PQT-KT01                                                        | 33,1                     | 1.000                 |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.  
-: Không quy định.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Sơn**

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thi Sách, P. Thắc Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

|                                    |                                                                                   |                                  |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>B24.514/TTQT</b><br><b>0891</b> | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b> | Ngày: 07/11/2024<br>Trang: 01/01 |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|

|                                             |   |                                                                                                                  |
|---------------------------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Vị trí đo<br><i>Measurement Location</i> | : | Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại xưởng sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL02). Tọa độ X: 1174888; Y: 422596. |
| 2. Ngày đo<br><i>Date of measurement</i>    | : | 31/10/2024.                                                                                                      |
| 3. Khách hàng<br><i>Customer</i>            | : | Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.                                                             |
| 4. Kết quả đo<br><i>Measurement result</i>  | : |                                                                                                                  |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i>     | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN<br>51:2017/BTNMT |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| 1. Bụi tổng                      mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA 17                                                           | <1,0                     | 200                   |
| 2. Lưu lượng                      m <sup>3</sup> /h | US EPA 02                                                           | 49.385                   | -                     |
| 3. Khí SO <sub>2</sub> mg/Nm <sup>3</sup>           | SOP-PQT-KT01                                                        | 7,9                      | 500                   |
| 4. Khí NO <sub>x</sub> mg/Nm <sup>3</sup>           | SOP-PQT-KT01                                                        | 3,8                      | 850                   |
| 5. Khí CO                      mg/Nm <sup>3</sup>   | SOP-PQT-KT01                                                        | <1,1                     | 1.000                 |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.  
-: Không quy định.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**

**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Sơn**

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

|                                            |                                                                                           |                                          |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| <p><b>B24.515/TTQT</b><br/><b>0892</b></p> | <p><b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br/><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b></p> | <p>Ngày: 07/11/2024<br/>Trang: 01/01</p> |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|

|                                             |                                                                                                                    |
|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Vị trí đo<br><i>Measurement Location</i> | : Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại xưởng sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL03). Tọa độ X: 1174927; Y: 422829. |
| 2. Ngày đo<br><i>Date of measurement</i>    | : 31/10/2024.                                                                                                      |
| 3. Khách hàng<br><i>Customer</i>            | : Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.                                                             |
| 4. Kết quả đo<br><i>Measurement result</i>  | :                                                                                                                  |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i>     | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN<br>51:2017/BTNMT |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| 1. Bụi tổng                      mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA 17                                                           | 1,7                      | 200                   |
| 2. Lưu lượng                      m <sup>3</sup> /h | US EPA 02                                                           | 6.910                    | -                     |
| 3. Khí SO <sub>2</sub> mg/Nm <sup>3</sup>           | SOP-PQT-KT01                                                        | 5,2                      | 500                   |
| 4. Khí NO <sub>x</sub> mg/Nm <sup>3</sup>           | SOP-PQT-KT01                                                        | 3,2                      | 850                   |
| 5. Khí CO                      mg/Nm <sup>3</sup>   | SOP-PQT-KT01                                                        | <1,1                     | 1.000                 |

**\*Ghi chú:**  
Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.  
-: Không quy định.

|                                                                                                   |                                                                              |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>PHÓ TRƯỞNG PHÒNG</b><br/><b>DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG</b></p> <p><b>Phạm Văn Canh</b></p> | <p><b>GIÁM ĐỐC</b><br/><b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b></p> <p><b>Nguyễn Xuân Sơn</b></p> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.  
This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thi Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

|                                    |                                                                                   |                                  |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>B24.447/TTQT</b><br><b>0817</b> | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b> | Ngày: 28/10/2024<br>Trang: 01/01 |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|

|                                             |                                                                               |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Vị trí đo<br><i>Measurement Location</i> | : Khí thải trong lòng ống khói khu vực QA-01. Tọa độ X = 1174922; Y = 422512. |
| 2. Ngày đo<br><i>Date of measurement</i>    | : 18/10/2024.                                                                 |
| 3. Khách hàng<br><i>Customer</i>            | : Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.                        |
| 4. Kết quả đo<br><i>Measurement result</i>  | :                                                                             |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i>  | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN<br>51:2017/BTNMT |
|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| 1. Bụi tổng                   mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA 17                                                           | <1,0                     | 200                   |
| 2. Lưu lượng                m <sup>3</sup> /h    | US EPA 02                                                           | 10.565                   | -                     |
| 3. Khí SO <sub>2</sub> mg/Nm <sup>3</sup>        | SOP-PQT-KT01                                                        | <2,6                     | 500                   |
| 4. Khí NO <sub>x</sub> mg/Nm <sup>3</sup>        | SOP-PQT-KT01                                                        | <1,9                     | 850                   |
| 5. Khí CO                   mg/Nm <sup>3</sup>   | SOP-PQT-KT01                                                        | <1,1                     | 1.000                 |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.  
-: Không quy định.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**

**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Sơn**

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |  |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

|                                    |                                                                                   |                                  |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>B24.448/TTQT</b><br><b>0816</b> | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b> | Ngày: 28/10/2024<br>Trang: 01/01 |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|

|                                             |                                                                                  |
|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Vị trí đo<br><i>Measurement Location</i> | : Khí thải trong lòng ống khói lò hơi BOI-02. Tọa độ X = 1174964;<br>Y = 422913. |
| 2. Ngày đo<br><i>Date of measurement</i>    | : 18/10/2024.                                                                    |
| 3. Khách hàng<br><i>Customer</i>            | : Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.                           |
| 4. Kết quả đo<br><i>Measurement result</i>  | :                                                                                |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i>     | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN<br>51:2017/BTNMT |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| 1. Bụi tổng                      mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 17                                                    | 1,0                      | 200                   |
| 2. Lưu lượng                      m <sup>3</sup> /h | US EPA 02                                                           | 46,857                   | -                     |
| 3. Khí SO <sub>2</sub> mg/Nm <sup>3</sup>           | SOP-PQT-KT01                                                        | 7,9                      | 500                   |
| 4. Khí NO <sub>x</sub> mg/Nm <sup>3</sup>           | SOP-PQT-KT01                                                        | 41,2                     | 850                   |
| 5. Khí CO                      mg/Nm <sup>3</sup>   | SOP-PQT-KT01                                                        | 19,4                     | 1.000                 |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.  
-: Không quy định.

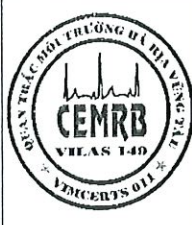
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**

**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Sơn**

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                     |                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|

|                                            |                                                                                                          |                                          |
|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| <p><b>B24.437/TTQT</b><br/><b>0811</b></p> | <p align="center"><b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br/><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b></p> | <p>Ngày: 28/10/2024<br/>Trang: 01/01</p> |
|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|

|                                                     |                                                                                                 |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>1. Vị trí đo<br/><i>Measurement Location</i></p> | <p>: Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid ARP-01. Tọa độ X = 1175005, Y = 423046.</p> |
| <p>2. Ngày đo<br/><i>Date of measurement</i></p>    | <p>: 17/10/2024.</p>                                                                            |
| <p>3. Khách hàng<br/><i>Customer</i></p>            | <p>: Công ty Cổ phần China Steel &amp; Nippon Steel Việt Nam.</p>                               |
| <p>4. Kết quả đo<br/><i>Measurement result</i></p>  |                                                                                                 |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i>  | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN 51:2017/<br>BTNMT |
|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| 1. Bụi tổng      mg/Nm <sup>3</sup>              | US EPA 17                                                           | 1,7                      | 200                    |
| 2. Lưu lượng      m <sup>3</sup> /h              | US EPA 02                                                           | 17.936                   | -                      |
| 3. Khí SO <sub>2</sub> mg/Nm <sup>3</sup>        | SOP-PQT-KT01                                                        | <2,6                     | 500                    |
| 4. Khí NO <sub>x</sub> mg/Nm <sup>3</sup>        | SOP-PQT-KT01                                                        | 143,3                    | 850                    |
| 5. Khí CO      mg/Nm <sup>3</sup>                | SOP-PQT-KT01                                                        | 33,1                     | 1000                   |
| 6. Khí HCl      mg/Nm <sup>3</sup>               | US EPA 26                                                           | 5,0                      | -                      |
| 7. Khí Cl <sub>2</sub> *      mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 26                                                    | 0,16                     | -                      |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.

(-): Không quy định.

(\*): Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm Thực phẩm và Môi trường NAVITEK".

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Xuân Sơn*

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                     |                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|

|                                            |                                                                                                          |                                          |
|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| <p><b>B24.438/TTQT</b><br/><b>0812</b></p> | <p align="center"><b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br/><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b></p> | <p>Ngày: 28/10/2024<br/>Trang: 01/01</p> |
|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|

|                                                     |                                                                                                 |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>1. Vị trí đo<br/><i>Measurement Location</i></p> | <p>: Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid ARP-02. Tọa độ X = 1175003, Y = 423057.</p> |
| <p>2. Ngày đo<br/><i>Date of measurement</i></p>    | <p>: 17/10/2024.</p>                                                                            |
| <p>3. Khách hàng<br/><i>Customer</i></p>            | <p>: Công ty Cổ phần China Steel &amp; Nippon Steel Việt Nam.</p>                               |
| <p>4. Kết quả đo<br/><i>Measurement result</i></p>  |                                                                                                 |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i>                  | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN 51:2017/<br>BTNMT |
|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| 1. Bụi tổng                      mg/Nm <sup>3</sup>              | US EPA 17                                                           | 2,6                      | 200                    |
| 2. Lưu lượng                      m <sup>3</sup> /h              | US EPA 02                                                           | 9.358                    | -                      |
| 3. Khí SO <sub>2</sub> mg/Nm <sup>3</sup>                        | SOP-PQT-KT01                                                        | 138,9                    | 500                    |
| 4. Khí NO <sub>x</sub> mg/Nm <sup>3</sup>                        | SOP-PQT-KT01                                                        | <1,9                     | 850                    |
| 5. Khí CO                      mg/Nm <sup>3</sup>                | SOP-PQT-KT01                                                        | 30,8                     | 1000                   |
| 6. Khí HCl                      mg/Nm <sup>3</sup>               | US EPA 26                                                           | 4,9                      | -                      |
| 7. Khí Cl <sub>2</sub> *                      mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 26                                                    | 0,24                     | -                      |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.  
(-): Không quy định.  
(\*): Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm Thực phẩm và Môi trường NAVITEK".

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Xuân Sơn*

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |  |
|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thi Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |  |
|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

|                                            |                                                                                           |                                          |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| <p><b>B24.461/TTQT</b><br/><b>0846</b></p> | <p><b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br/><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b></p> | <p>Ngày: 01/11/2024<br/>Trang: 01/01</p> |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|

|                                                     |                                                                                                                      |
|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>1. Vị trí đo<br/><i>Measurement Location</i></p> | <p>: Khí thải trong lòng ống khói của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) PL-01. Tọa độ X=1175048, Y=423041.</p> |
| <p>2. Ngày đo<br/><i>Date of measurement</i></p>    | <p>: 22/10/2024.</p>                                                                                                 |
| <p>3. Khách hàng<br/><i>Customer</i></p>            | <p>: Công ty Cổ phần China Steel &amp; Nippon Steel Việt Nam.</p>                                                    |
| <p>4. Kết quả đo<br/><i>Measurement result</i></p>  | <p>:</p>                                                                                                             |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i>  | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN 51:2017/<br>BTNM |
|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| 1. Bụi tổng      mg/Nm <sup>3</sup>              | US EPA 17                                                           | <1,0                     | 200                   |
| 2. Lưu lượng      m <sup>3</sup> /h              | US EPA 02                                                           | 14,781                   | -                     |
| 3. Khí SO <sub>2</sub> mg/Nm <sup>3</sup>        | SOP-PQT-KT01                                                        | 13,1                     | 500                   |
| 4. Khí NO <sub>x</sub> mg/Nm <sup>3</sup>        | SOP-PQT-KT01                                                        | <1,9                     | 850                   |
| 5. Khí CO      mg/Nm <sup>3</sup>                | SOP-PQT-KT01                                                        | <1,1                     | 1000                  |
| 6. Khí HCl      mg/Nm <sup>3</sup>               | US EPA 26                                                           | <4,5                     | -                     |
| 7. Khí Cl <sub>2</sub> *      mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 26                                                    | 0,21                     | -                     |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.  
(-): Không quy định.  
(\*): Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm Thực phẩm và Môi trường NAVITEK".

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**  
**DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**

**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Xuân Sơn**

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE                                                                                                                                        |   |
|                                                                                   | TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br>28B Thi Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com |                                                                                                                                                                         |

|                             |                                                                                   |                                  |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>B24.462/TTQT</b><br>0847 | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b> | Ngày: 01/11/2024<br>Trang: 01/01 |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|

|                      |   |                                                                                                                 |
|----------------------|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Vị trí đo         | : | Khí thải trong lòng ống khói của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) PL-02. Tọa độ X = 1175126, Y = 423047. |
| Measurement Location |   |                                                                                                                 |
| 2. Ngày đo           | : | 22/10/2024.                                                                                                     |
| Date of measurement  |   |                                                                                                                 |
| 3. Khách hàng        | : | Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.                                                            |
| Customer             |   |                                                                                                                 |
| 4. Kết quả đo        | : |                                                                                                                 |
| Measurement result   |   |                                                                                                                 |

| Tên chỉ tiêu<br>Name of measurement norm |                    | Thiết bị đo/Phương pháp<br>Methods/Equipment for measurement | Kết quả<br>Result | QCVN 51:2017/<br>BTNMT |
|------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|
| 1. Bụi tổng                              | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA 17                                                    | <1,0              | 200                    |
| 2. Lưu lượng                             | m <sup>3</sup> /h  | US EPA 02                                                    | 20,854            | -                      |
| 3. Khí SO <sub>2</sub>                   | mg/Nm <sup>3</sup> | SOP-PQT-KT01                                                 | 2,6               | 500                    |
| 4. Khí NO <sub>x</sub>                   | mg/Nm <sup>3</sup> | SOP-PQT-KT01                                                 | <1,9              | 850                    |
| 5. Khí CO                                | mg/Nm <sup>3</sup> | SOP-PQT-KT01                                                 | <1,1              | 1000                   |
| 6. Khí HCl                               | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA 26                                                    | <4,5              | -                      |
| 7. Khí Cl <sub>2</sub> *                 | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 26                                             | <0,15             | -                      |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.

(-): Không quy định.

(\*): Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm Thực phẩm và Môi trường NAVITEK".

|                                                                                     |                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| PHÓ TRƯỞNG PHÒNG<br>DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG                                     | GIÁM ĐỐC<br>PHÓ GIÁM ĐỐC                                                              |
|  |  |
| Phạm Văn Canh                                                                       | Nguyễn Xuân Sơn                                                                       |

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                     |                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p><b>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b><br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |  |
| <b>B24.463/TTQT</b><br><b>0848</b>                                                | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ngày: 01/11/2024<br>Trang: 01/01                                                    |                                                                                     |

1. Vị trí đo : Khí thải trong lòng ống khói của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) PL-03. Tọa độ X=1174914, Y=422964.  
*Measurement Location*
2. Ngày đo : 22/10/2024.  
*Date of measurement*
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.  
*Customer*
4. Kết quả đo :  
*Measurement result*

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i> |                    | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN 51:2017/<br>BTNMT |
|-------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| 1. Bụi tổng                                     | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA 17                                                           | <1,0                     | 200                    |
| 2. Lưu lượng                                    | m <sup>3</sup> /h  | US EPA 02                                                           | 245.841                  | -                      |
| 3. Khí SO <sub>2</sub>                          | mg/Nm <sup>3</sup> | SOP-PQT-KT01                                                        | <2,6                     | 500                    |
| 4. Khí NO <sub>x</sub>                          | mg/Nm <sup>3</sup> | SOP-PQT-KT01                                                        | <1,9                     | 850                    |
| 5. Khí CO                                       | mg/Nm <sup>3</sup> | SOP-PQT-KT01                                                        | <1,1                     | 1000                   |
| 6. Khí HCl                                      | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA 26                                                           | <4,5                     | -                      |
| 7. Khí Cl <sub>2</sub> *                        | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 26                                                    | <0,15                    | -                      |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.  
(-): Không quy định.  
(\*): Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm Thực phẩm và Môi trường NAVITEK".

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**  
**DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**

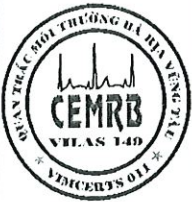


**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Sơn**

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |   |
|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                         |

|                                    |                                                                                   |                                  |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>B24.466/TTQT</b><br><b>0851</b> | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b> | Ngày: 01/11/2024<br>Trang: 01/01 |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|

|                                             |                                                                                                                         |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Vị trí đo<br><i>Measurement Location</i> | : Không khí khu vực cách ranh giới phía Bắc Nhà máy khoảng 500m (K1). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174700, Y = 422160. |
| 2. Ngày đo<br><i>Date of measurement</i>    | : 22/10/2024.                                                                                                           |
| 3. Khách hàng<br><i>Customer</i>            | : Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.                                                                  |
| 4. Kết quả đo<br><i>Measurement result</i>  | :                                                                                                                       |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i>   | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN<br>05:2023/BTNMT<br>(b 1h) |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|
| 1. Tổng bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$     | TCVN 5067:1995                                                      | <33                      | 300                             |
| 2. Bụi PM <sub>10</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$ | 40 CFR part 50 - Appendix J                                         | 1,0                      | -                               |
| 3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$                    | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | 31,4                     | -                               |
| 4. Độ ẩm %                                        | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | 74,4                     | -                               |
| 5. Tốc độ gió m/s                                 | SOP-PQT-30                                                          | 0,63                     | -                               |
| 6. Khí SO <sub>2</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$  | TCVN 5971:1995                                                      | <33                      | 350                             |
| 7. Khí NO <sub>2</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$  | TCVN 6137:2009                                                      | <10                      | 200                             |
| 8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$               | SOP-PTN-CO <sup>†</sup>                                             | <6750                    | 30.000                          |
| 9. Hướng gió °                                    | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | TN 220                   | -                               |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.  
-: Không quy định.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**  
**DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**

  
**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



  
**Nguyễn Xuân Sơn**

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |   |
|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                         |

|                              |                                                                             |                                  |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>B24.467/TTQT<br/>0852</b> | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG<br/>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b> | Ngày: 01/11/2024<br>Trang: 01/01 |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|

|                                             |                                                                                                                         |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Vị trí đo<br><i>Measurement Location</i> | : Không khí khu vực cách ranh giới phía Tây Nam Nhà máy khoảng 500m (K2). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1175563, Y=422747. |
| 2. Ngày đo<br><i>Date of measurement</i>    | : 22/10/2024.                                                                                                           |
| 3. Khách hàng<br><i>Customer</i>            | : Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.                                                                  |
| 4. Kết quả đo<br><i>Measurement result</i>  | :                                                                                                                       |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i>   | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN<br>05:2023/BTNMT<br>(tb 1h) |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------|
| 1. Tổng bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$     | TCVN 5067:1995                                                      | <33                      | 300                              |
| 2. Bụi PM <sub>10</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$ | 40 CFR part 50 - Appendix J                                         | <1,0                     | -                                |
| 3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$                    | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | 31,4                     | -                                |
| 4. Độ ẩm %                                        | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | 74,2                     | -                                |
| 5. Tốc độ gió m/s                                 | SOP-PQT-30                                                          | 2,14                     | -                                |
| 6. Khí SO <sub>2</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$  | TCVN 5971:1995                                                      | <33                      | 350                              |
| 7. Khí NO <sub>2</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$  | TCVN 6137:2009                                                      | <10                      | 200                              |
| 8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$               | SOP-PTN-CO <sup>†</sup>                                             | <6750                    | 30.000                           |
| 9. Hướng gió $^{\circ}$                           | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | TN 220                   | -                                |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.  
-: Không quy định.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Sơn**

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |   |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                              |                                                                             |                                          |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| <p>B24.484/TTQT<br/>0915</p> | <p>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG<br/>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</p> | <p>Ngày: 11/11/2024<br/>Trang: 01/01</p> |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|

|                                      |   |                                                                                                 |
|--------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Vị trí đo<br>Measurement Location | : | Không khí khu vực văn phòng của Nhà máy (K3). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174839, Y = 422288. |
| 2. Ngày đo<br>Date of measurement    | : | 28/10/2024.                                                                                     |
| 3. Khách hàng<br>Customer            | : | Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.                                            |
| 4. Kết quả đo<br>Measurement result  | : |                                                                                                 |

| Tên chỉ tiêu<br>Name of measurement norm         | Thiết bị đo/Phương pháp<br>Methods/Equipment for measurement | Kết quả<br>Result | QCVN<br>05:2023/BTNMT<br>(tb 1h) |
|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|
| 1. Tổng bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$    | TCVN 5067:1995                                               | <33               | 300                              |
| 2. Bụi PM10 $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$            | 40 CFR part 50 - Appendix J                                  | 12                | -                                |
| 3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$                   | QCVN 46:2022/BTNMT                                           | 30,8              | -                                |
| 4. Độ ẩm %                                       | QCVN 46:2022/BTNMT                                           | 66,5              | -                                |
| 5. Tốc độ gió m/s                                | SOP-PQT-30                                                   | 0,99              | -                                |
| 6. Khí SO <sub>2</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$ | TCVN 5971:1995                                               | <33               | 350                              |
| 7. Khí NO <sub>2</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$ | TCVN 6137:2009                                               | <10               | 200                              |
| 8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$              | SOP-PTN-CO <sup>†</sup>                                      | <6750             | 30.000                           |
| 9. Hướng gió $^{\circ}$                          | QCVN 46:2022/BTNMT                                           | T 265             | -                                |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.  
-: Không quy định.

|                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>PHÓ TRƯỞNG PHÒNG<br/>DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG</p> <p><br/>Phạm Văn Canh</p> | <p>GIÁM ĐỐC<br/>PHÓ GIÁM ĐỐC</p> <p><br/>Nguyễn Xuân Sơn</p> <p></p> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |   |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                            |                                                                                           |                                          |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| <p><b>B24.485/TTQT</b><br/><b>0916</b></p> | <p><b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br/><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b></p> | <p>Ngày: 11/11/2024<br/>Trang: 01/01</p> |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|

|                                                     |                                                                                |
|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| <p>1. Vị trí đo<br/><i>Measurement Location</i></p> | <p>: Không khí khu vực lò luyện thép (K4). Tọa độ X = 1174894, Y = 422812.</p> |
| <p>2. Ngày đo<br/><i>Date of measurement</i></p>    | <p>: 28/10/2024.</p>                                                           |
| <p>3. Khách hàng<br/><i>Customer</i></p>            | <p>: Công ty Cổ phần China Steel &amp; Nippon Steel Việt Nam.</p>              |
| <p>4. Kết quả đo<br/><i>Measurement result</i></p>  | <p>:</p>                                                                       |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i>   | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN<br>05:2023/BTNMT<br>(tb 1h) |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------|
| 1. Tổng bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$     | TCVN 5067:1995                                                      | <33                      | 300                              |
| 2. Bụi PM <sub>10</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$ | 40 CFR part 50 - Appendix J                                         | 16                       | -                                |
| 3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$                    | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | 32,7                     | -                                |
| 4. Độ ẩm %                                        | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | 67,1                     | -                                |
| 5. Tốc độ gió m/s                                 | SOP-PQT-30                                                          | 0,35                     | -                                |
| 6. Khí SO <sub>2</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$  | TCVN 5971:1995                                                      | <33                      | 350                              |
| 7. Khí NO <sub>2</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$  | TCVN 6137:2009                                                      | <10                      | 200                              |
| 8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$               | SOP-PTN-CO <sup>†</sup>                                             | <6750                    | 30.000                           |
| 9. Hướng gió 0                                    | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | T 265                    | -                                |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.  
-: Không quy định.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**  
**DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Sơn**

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |
|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax:<br/>0254.3852413</p> <p>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |
|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

|                              |                                                                             |                                  |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>B24.486/TTQT<br/>0917</b> | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG<br/>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b> | Ngày: 11/11/2024<br>Trang: 01/01 |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|

1. Vị trí đo : Không khí khu vực tây gĩ (K5). Toạ độ X = 1175075, Y = 423089.  
*Measurement Location*
2. Ngày đo : 28/10/2024.  
*Date of measurement*
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.  
*Customer*
4. Kết quả đo :  
*Measurement result*

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i>   | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN<br>05:2023/BTNMT |          |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|----------|
|                                                   |                                                                     |                          | (tb 1h)               | (tb 24h) |
| 1. Tổng bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$     | TCVN 5067:1995                                                      | <33                      | 300                   |          |
| 2. Bụi PM <sub>10</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$ | 40 CFR part 50 - Appendix J                                         | 14                       | -                     |          |
| 3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$                    | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | 30,5                     | -                     |          |
| 4. Độ ẩm %                                        | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | 73,5                     | -                     |          |
| 5. Tốc độ gió m/s                                 | SOP-PQT-30                                                          | 0,60                     | -                     |          |
| 6. Khí SO <sub>2</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$  | TCVN 5971:1995                                                      | <33                      | 350                   |          |
| 7. Khí NO <sub>2</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$  | TCVN 6137:2009                                                      | <10                      | 200                   |          |
| 8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$               | SOP-PTN-CO <sup>†</sup>                                             | <6750                    | 30.000                |          |
| 9. Hướng gió 0                                    | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | T 265                    | -                     |          |
| 10. Khí HCl $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$             | NIOSH 7907                                                          | <40                      | -                     | 60       |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.  
(-): Không quy định.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**

**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Sơn**

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BÀ RỊA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |   |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                             |                                                                                   |                                  |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>B24.479/TTQT</b><br>0948 | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b> | Ngày: 14/11/2024<br>Trang: 01/01 |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|

|                                      |                                                                                  |
|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Vị trí đo<br>Measurement Location | : Không khí khu vực 02 bồn chứa hóa chất (KK61). Tọa độ X = 1174483, Y = 422794. |
| 2. Ngày đo<br>Date of measurement    | : 28/10/2024.                                                                    |
| 3. Khách hàng<br>Customer            | : Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.                           |
| 4. Kết quả đo<br>Measurement result  | :                                                                                |

| Tên chỉ tiêu<br>Name of measurement norm                                       | Thiết bị đo/Phương pháp<br>Methods/Equipment for measurement | Kết quả<br>Result |
|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1. Tổng bụi lơ lửng<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                               | TCVN 5067:1995                                               | <33               |
| 2. Bụi $\text{PM}_{10}$<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                           | 40 CFR part 50 - Appendix J                                  | 6,4               |
| 3. Nhiệt độ<br>$^{\circ}\text{C}$                                              | QCVN 46:2022/BTNMT                                           | 31,1              |
| 4. Độ ẩm<br>%                                                                  | QCVN 46:2022/BTNMT                                           | 57,6              |
| 5. Tốc độ gió<br>m/s                                                           | SOP-PQT-30                                                   | 0,33              |
| 6. Khí $\text{SO}_2$<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                              | TCVN 5971:1995                                               | <33               |
| 7. Khí $\text{NO}_2$<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                              | TCVN 6137:2009                                               | <10               |
| 8. Khí CO<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                                         | SOP-PTN-CO <sup>†</sup>                                      | <6750             |
| 9. Hướng gió<br>o                                                              | QCVN 46:2022/BTNMT                                           | T 265             |
| 10. VOCs (Benzene)*<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                               | NIOSH Method 1501                                            | <4,0              |
| 11. Chromi ( $\text{Cr}^{6+}$ ) và các hợp chất**<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$ | NIOSH Method 7600                                            | <0,0001           |

\* **Ghi chú:**

(\*) : Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm thực phẩm và Môi trường NAVITEK".

(\*\*) : Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Trung tâm Công nghệ Môi trường".

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**  
**DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Sơn**

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |   |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

B24.478/TTQT  
0947PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG  
ENVIRONMENT MONITORING REPORTNgày: 14/11/2024  
Trang: 01/01

1. Vị trí đo : Không khí khu vực làm nguội tấm thép (KK62). Tọa độ X = 1174481, Y = 422711.  
Measurement Location
2. Ngày đo : 28/10/2024.  
Date of measurement
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.  
Customer
4. Kết quả đo :  
Measurement result

| Tên chỉ tiêu<br>Name of measurement norm                                       | Thiết bị đo/Phương pháp<br>Methods/Equipment for measurement | Kết quả<br>Result |
|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1. Tổng bụi lơ lửng<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                               | TCVN 5067:1995                                               | <33               |
| 2. Bụi $\text{PM}_{10}$<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                           | 40 CFR part 50 - Appendix J                                  | 8,0               |
| 3. Nhiệt độ<br>$^{\circ}\text{C}$                                              | QCVN 46:2022/BTNMT                                           | 31,0              |
| 4. Độ ẩm<br>%                                                                  | QCVN 46:2022/BTNMT                                           | 54,8              |
| 5. Tốc độ gió<br>m/s                                                           | SOP-PQT-30                                                   | 0,04              |
| 6. Khí $\text{SO}_2$<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                              | TCVN 5971:1995                                               | <33               |
| 7. Khí $\text{NO}_2$<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                              | TCVN 6137:2009                                               | <10               |
| 8. Khí CO<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                                         | SOP-PTN-CO <sup>†</sup>                                      | <6750             |
| 9. Hướng gió<br>o                                                              | QCVN 46:2022/BTNMT                                           | T 265             |
| 10. VOCs (Benzene)*<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                               | NIOSH Method 1501                                            | <4,0              |
| 11. Chromi ( $\text{Cr}^{6+}$ ) và các hợp chất**<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$ | NIOSH Method 7600                                            | <0,0001           |

## \* Ghi chú:

(\*) : Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm thực phẩm và Môi trường NAVITEK".

(\*\*): Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Trung tâm Công nghệ Môi trường".

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&amp;MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Phạm Văn Canh

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Xuân Sơn

|                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                    |                                                                                    |
|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |  |
|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|

|                                            |                                                                                           |                                          |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| <p><b>B24.480/TTQT</b><br/><b>0949</b></p> | <p><b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br/><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b></p> | <p>Ngày: 14/11/2024<br/>Trang: 01/01</p> |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|

|                                                     |                                                                                             |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>1. Vị trí đo<br/><i>Measurement Location</i></p> | <p>: Không khí khu vực ống khói bên ngoài xưởng (KK63). Tọa độ X = 1174464, Y = 422762.</p> |
| <p>2. Ngày đo<br/><i>Date of measurement</i></p>    | <p>: 28/10/2024.</p>                                                                        |
| <p>3. Khách hàng<br/><i>Customer</i></p>            | <p>: Công ty Cổ phần China Steel &amp; Nippon Steel Việt Nam.</p>                           |
| <p>4. Kết quả đo<br/><i>Measurement result</i></p>  | <p>:</p>                                                                                    |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i>                               | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> |
|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1. Tổng bụi lơ lửng<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                              | TCVN 5067:1995                                                      | <33                      |
| 2. Bụi PM <sub>10</sub><br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                          | 40 CFR part 50 - Appendix J                                         | 6,7                      |
| 3. Nhiệt độ<br>$^{\circ}\text{C}$                                             | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | 27,5                     |
| 4. Độ ẩm<br>$\%$                                                              | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | 58,6                     |
| 5. Tốc độ gió<br>$\text{m/s}$                                                 | SOP-PQT-30                                                          | 0,43                     |
| 6. Khí SO <sub>2</sub><br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                           | TCVN 5971:1995                                                      | <33                      |
| 7. Khí NO <sub>2</sub><br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                           | TCVN 6137:2009                                                      | <10                      |
| 8. Khí CO<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                                        | SOP-PTN-CO <sup>†</sup>                                             | <6750                    |
| 9. Hướng gió<br>$^{\circ}$                                                    | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | T 265                    |
| 10. VOCs (Benzene)*<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$                              | NIOSH Method 1501                                                   | <4,0                     |
| 11. Chromi (Cr <sup>6+</sup> ) và các hợp chất**<br>$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$ | NIOSH Method 7600                                                   | <0,0001                  |

**\* Ghi chú:**

(\*) : Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm thực phẩm và Môi trường NAVITEK".

(\*\*) : Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Trung tâm Công nghệ Môi trường".

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**  
**DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**





|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |   |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                    |                                                                                   |                                  |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>B24.468/TTQT</b><br><b>0853</b> | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b> | Ngày: 01/11/2024<br>Trang: 01/01 |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|

|                                             |                                                                    |
|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 1. Vị trí đo<br><i>Measurement Location</i> | : Không khí khu vực cán nóng (K7). Tọa độ X = 1174998, Y = 422752. |
| 2. Ngày đo<br><i>Date of measurement</i>    | : 22/10/2024.                                                      |
| 3. Khách hàng<br><i>Customer</i>            | : Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.             |
| 4. Kết quả đo<br><i>Measurement result</i>  | :                                                                  |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i>   | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> | QCVN<br>05:2023/BTNMT<br>(tb 1h) |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------|
| 1. Tổng bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$     | TCVN 5067:1995                                                      | <33                      | 300                              |
| 2. Bụi PM <sub>10</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$ | 40 CFR part 50 - Appendix J                                         | <1,0                     | -                                |
| 3. Nhiệt độ $^{\circ}\text{C}$                    | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | 30,1                     | -                                |
| 4. Độ ẩm %                                        | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | 81,4                     | -                                |
| 5. Tốc độ gió m/s                                 | SOP-PQT-30                                                          | 1,94                     | -                                |
| 6. Khí SO <sub>2</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$  | TCVN 5971:1995                                                      | <33                      | 350                              |
| 7. Khí NO <sub>2</sub> $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$  | TCVN 6137:2009                                                      | <10                      | 200                              |
| 8. Khí CO $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$               | SOP-PTN-CO <sup>†</sup>                                             | <6750                    | 30.000                           |
| 9. Hướng gió $^{\circ}$                           | QCVN 46:2022/BTNMT                                                  | TN 220                   | -                                |

**\*Ghi chú:**

Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.  
-: Không quy định.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**  
**DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Xuân Sơn*

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                      |                           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |                                                                                      |                           |
| <p><b>B24.481/TTQT</b><br/><b>0912</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <p><b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br/><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <p>Ngày: 11/11/2024<br/>Trang: 01/01</p>                                             |                           |
| <p>1. Vị trí đo : Tiếng ồn tại khu vực O1. Tọa độ X = 1174840; Y: 422784.<br/>Measurement Location</p> <p>2. Ngày đo : 28/10/2024.<br/>Date of measurement</p> <p>3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel &amp; Nippon Steel Việt Nam.<br/>Customer</p> <p>4. Kết quả đo :<br/>Measurement result</p>                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                      |                           |
| <p>Tên chỉ tiêu<br/>Name of measurement norm</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <p>Thiết bị đo/Phương pháp<br/>Methods/Equipment for measurement</p>                 | <p>Kết quả<br/>Result</p> |
| 1. Tiếng ồn dBA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TCVN 7878-2:2018                                                                     | 82,8                      |
| 2. Tiếng ồn (max) dBA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TCVN 7878-2:2018                                                                     | 88,9                      |
| 3. Tiếng ồn (min) dBA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TCVN 7878-2:2018                                                                     | 81,9                      |
| <p><b>*Ghi chú:</b><br/>Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&amp;MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                      |                           |
| <p><b>PHÓ TRƯỞNG PHÒNG</b><br/><b>DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG</b></p> <p></p> <p><b>Phạm Văn Canh</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <p><b>GIÁM ĐỐC</b><br/><b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b></p> <p></p> <p><b>Nguyễn Xuân Sơn</b></p> |                           |
| <p>Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.<br/>This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.</p> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                      |                           |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                              |                                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |                                                                                              |                                  |
| <p><b>B24.482/TTQT</b><br/><b>0913</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <p><b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br/><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <p>Ngày: 11/11/2024<br/>Trang: 01/01</p>                                                     |                                  |
| <p>1. Vị trí đo : Tiếng ồn tại khu vực O2. Tọa độ X = 1174823; Y: 422733.<br/><i>Measurement Location</i></p> <p>2. Ngày đo : 28/10/2024.<br/><i>Date of measurement</i></p> <p>3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel &amp; Nippon Steel Việt Nam.<br/><i>Customer</i></p> <p>4. Kết quả đo :<br/><i>Measurement result</i></p>                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                              |                                  |
| <p>Tên chỉ tiêu<br/><i>Name of measurement norm</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <p>Thiết bị đo/Phương pháp<br/><i>Methods/Equipment for measurement</i></p>                  | <p>Kết quả<br/><i>Result</i></p> |
| 1. Tiếng ồn dBA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TCVN 7878-2:2018                                                                             | 81,0                             |
| 2. Tiếng ồn (max) dBA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TCVN 7878-2:2018                                                                             | 84,9                             |
| 3. Tiếng ồn (min) dBA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | TCVN 7878-2:2018                                                                             | 79,8                             |
| <p><b>*Ghi chú:</b><br/>Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&amp;MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                              |                                  |
| <p><b>PHÓ TRƯỞNG PHÒNG</b><br/><b>DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG</b></p> <p></p> <p><b>Phạm Văn Canh</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <p><b>GIÁM ĐỐC</b><br/><b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b></p> <p></p> <p></p> <p><b>Nguyễn Xuân Sơn</b></p> |                                  |
| <p>Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.<br/><i>This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.</i></p> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                              |                                  |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |  |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |  |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

|                              |                                                                             |                                  |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>B24.483/TTQT<br/>0914</b> | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG<br/>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b> | Ngày: 11/11/2024<br>Trang: 01/01 |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|

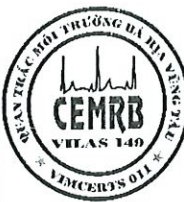
|                                             |                                                           |
|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1. Vị trí đo<br><i>Measurement Location</i> | : Tiếng ồn tại khu vực O3. Tọa độ X = 1174842; Y: 422715. |
| 2. Ngày đo<br><i>Date of measurement</i>    | : 28/10/2024.                                             |
| 3. Khách hàng<br><i>Customer</i>            | : Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.    |
| 4. Kết quả đo<br><i>Measurement result</i>  | :                                                         |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i> | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> |
|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1. Tiếng ồn dBA                                 | TCVN 7878-2:2018                                                    | 81,6                     |
| 2. Tiếng ồn (max) dBA                           | TCVN 7878-2:2018                                                    | 89,8                     |
| 3. Tiếng ồn (min) dBA                           | TCVN 7878-2:2018                                                    | 79,6                     |

**\*Ghi chú:**  
Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.

|                                                                                                    |                                                                                       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>PHÓ TRƯỞNG PHÒNG<br/>DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG</b></p> <p></p> <p><b>Phạm Văn Canh</b></p> | <p><b>GIÁM ĐỐC<br/>PHÓ GIÁM ĐỐC</b></p> <p></p> <p></p> <p><b>Nguyễn Xuân Sơn</b></p> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.  
This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |   <p>VILAS 149</p> |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                            |                                                                                           |                                          |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| <p><b>B24.442/TTQT</b><br/><b>0813</b></p> | <p><b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br/><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b></p> | <p>Ngày: 28/10/2024<br/>Trang: 01/01</p> |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|

|                                                     |                                                                                       |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>1. Vị trí đo<br/><i>Measurement Location</i></p> | <p>: Tiếng ồn tại khu vực Administration (ON1). Tọa độ X: 1174839;<br/>Y: 422288.</p> |
| <p>2. Ngày đo<br/><i>Date of measurement</i></p>    | <p>: 17/10/2024</p>                                                                   |
| <p>3. Khách hàng<br/><i>Customer</i></p>            | <p>: Công ty Cổ phần China Steel &amp; Nippon Steel Việt Nam.</p>                     |
| <p>4. Kết quả đo<br/><i>Measurement result</i></p>  | <p>:</p>                                                                              |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i> | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> |
|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1. Tiếng ồn                      dBA            | TCVN 7878-2:2018                                                    | 49,4                     |
| 2. Tiếng ồn (max)            dBA                | TCVN 7878-2:2018                                                    | 63,1                     |
| 3. Tiếng ồn (min)            dBA                | TCVN 7878-2:2018                                                    | 41,2                     |

**\*Ghi chú:**  
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**  
**DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Xuân Sơn*

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thi Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |   |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                            |                                                                                           |                                          |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| <p><b>B24.443/TTQT</b><br/><b>0814</b></p> | <p><b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b><br/><b>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b></p> | <p>Ngày: 28/10/2024<br/>Trang: 01/01</p> |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|

|                                                     |                                                                                                                      |
|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>1. Vị trí đo<br/><i>Measurement Location</i></p> | <p>: Tiếng ồn khu dân cư, cách hàng rào Nhà máy 400 - 500m về phía Đông Bắc (ON2). Tọa độ X: 1174378; Y: 423197.</p> |
| <p>2. Ngày đo<br/><i>Date of measurement</i></p>    | <p>: 17/10/2024.</p>                                                                                                 |
| <p>3. Khách hàng<br/><i>Customer</i></p>            | <p>: Công ty Cổ phần China Steel &amp; Nippon Steel Việt Nam.</p>                                                    |
| <p>4. Kết quả đo<br/><i>Measurement result</i></p>  | <p>:</p>                                                                                                             |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i> | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> |
|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1. Tiếng ồn                      dBA            | TCVN 7878-2:2018                                                    | 50,3                     |
| 2. Tiếng ồn (max)              dBA              | TCVN 7878-2:2018                                                    | 68,2                     |
| 3. Tiếng ồn (min)              dBA              | TCVN 7878-2:2018                                                    | 45,6                     |

**\*Ghi chú:**  
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1000015 ngày 03/06/2024.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Xuân Sơn*

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |  |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE</p> <p>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |  |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

|                              |                                                                             |                                  |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>B24.444/TTQT<br/>0815</b> | <b>PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG<br/>ENVIRONMENT MONITORING REPORT</b> | Ngày: 28/10/2024<br>Trang: 01/01 |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|

|                                             |                                                                                                                |
|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Vị trí đo<br><i>Measurement Location</i> | : Tiếng ồn khu dân cư, cách hàng rào Nhà máy khoảng 500m về phía Đông Nam (ON3). Tọa độ X: 1175230; Y: 422818. |
| 2. Ngày đo<br><i>Date of measurement</i>    | : 17/10/2024.                                                                                                  |
| 3. Khách hàng<br><i>Customer</i>            | : Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.                                                         |
| 4. Kết quả đo<br><i>Measurement result</i>  | :                                                                                                              |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of measurement norm</i> |     | Thiết bị đo/Phương pháp<br><i>Methods/Equipment for measurement</i> | Kết quả<br><i>Result</i> |
|-------------------------------------------------|-----|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1. Tiếng ồn                                     | dBA | TCVN 7878-2:2018                                                    | 53,4                     |
| 2. Tiếng ồn (max)                               | dBA | TCVN 7878-2:2018                                                    | 66,9                     |
| 3. Tiếng ồn (min)                               | dBA | TCVN 7878-2:2018                                                    | 45,1                     |

**\*Ghi chú:**  
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 24P1O00015 ngày 03/06/2024.

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
DỊCH VỤ - TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**

**Phạm Văn Canh**

**GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Sơn**

|                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                        |
|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
|                                     | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE<br/>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |                                                        |
| <p><b>B24.440/TTQT<br/>0837</b></p> | <p><b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>Ngày (Date): 30/10/2024<br/>Trang (Page): 01/01</p> |

1. Tên mẫu : Mẫu đất tại điểm ven đường giao thông cách cổng nhà máy 20-50m.  
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 17/10/2024.  
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel and Nippon Steel Việt Nam.  
Customer KCN Mỹ Xuân A2, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, BR-VT.
4. Kết quả thử nghiệm :  
Test result

| Tên chỉ tiêu<br>Name of analysis · norm |       | Phương pháp thử<br>Test method | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|-----------------------------------------|-------|--------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Crôm (Cr)                            | mg/kg | US EPA 3051A &<br>US EPA 200.7 | 16,6                              |
| 2. Chì (Pb)                             | mg/kg | US EPA 3051A &<br>US EPA 200.7 | KPH (<11,0)                       |
| 3. Kẽm (Zn)                             | mg/kg | US EPA 3051A &<br>US EPA 200.7 | 27,2                              |
| 4. Tổng dầu*                            | mg/kg | SMEWW 5520E:2023               | KPH (<25)                         |

**Ghi chú:** Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 10h15.

( \* ): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 24P1O00015 ngày 03/06/2024.

KPH: Không phát hiện.

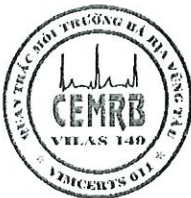
**TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

**GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Võ Phi Long**

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE<br/>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |   |
| <p><b>B24.441/TTQT<br/>0838</b></p>                                               | <p><b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>Ngày (Date): 30/10/2024<br/>Trang (Page): 01/01</p>                                                                                                                  |

1. Tên mẫu : Mẫu đất tại ven mương dẫn nước thải từ nhà máy đến trạm xử lý nước thải của KCN Mỹ Xuân A2.  
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 17/10/2024.  
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel and Nippon Steel Việt Nam.  
Customer KCN Mỹ Xuân A2, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, BR-VT.
4. Kết quả thử nghiệm :  
Test result

| Tên chỉ tiêu<br>Name of analysis norm |       | Phương pháp thử<br>Test method | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|---------------------------------------|-------|--------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Crôm (Cr)                          | mg/kg | US EPA 3051A &<br>US EPA 200.7 | 15,2                              |
| 2. Chì (Pb)                           | mg/kg | US EPA 3051A &<br>US EPA 200.7 | KPH (<11,0)                       |
| 3. Kẽm (Zn)                           | mg/kg | US EPA 3051A &<br>US EPA 200.7 | 29,6                              |
| 4. Tổng dầu*                          | mg/kg | SMEWW 5520E:2023               | KPH (<25)                         |

**Ghi chú:** Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 10h30.

( \* ): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 24P1O00015 ngày 03/06/2024.

KPH: Không phát hiện.

**TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH**



Nguyễn Thị Lệ Hằng

**GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Võ Phi Long**

|                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                        |
|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
|                                     | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE<br/>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |                                                        |
| <p><b>B24.445/TTQT<br/>0805</b></p> | <p><b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>Ngày (Date): 23/10/2024<br/>Trang (Page): 01/01</p> |

1. Tên mẫu : Nước mặt tại cầu Rạch Trái, cách 500m về phía thượng nguồn so với  
Sample Name điểm xả nước làm mát của nhà máy vào rạch (NM1). Toạ độ vị trí lấy mẫu X: 1174643; Y: 422140.
2. Ngày nhận mẫu : 18/10/2024.  
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel and Nippon Steel Việt Nam.  
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :  
Test result

| Tên chỉ tiêu<br>Name of analysis norm |      | Phương pháp thử<br>Test method | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|---------------------------------------|------|--------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*       | mg/l | TCVN 6625:2000                 | 27                                |
| 2. Clorua (Cl <sup>-</sup> )*         | mg/l | TCVN 6194:1996                 | 179                               |
| 3. Độ đục                             | NTU  | SMEWW 2130B:2023               | 22,7                              |
| 4. Nhiệt độ                           | °C   | SMEWW 2550B:2023               | 30,3                              |

**Ghi chú:** Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 9h30.

( \* ): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 24P1O00015 ngày 03/06/2024.

**TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

**GIÁM ĐỐC**



*Lê Tuấn Kiệt*

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE<br/>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |   |
| <p><b>B24.446/TTQT<br/>0806</b></p>                                               | <p><b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>Ngày (Date): 23/10/2024<br/>Trang (Page): 01/01</p>                                                                                                                  |

1. Tên mẫu : Nước mặt sông Thị Vải, cách 100m về phía hạ nguồn so với điểm đổ nước làm mát của nhà máy vào sông (NM2). Toạ độ vị trí lấy mẫu X: 1174629; Y: 422100.  
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 18/10/2024.  
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel and Nippon Steel Việt Nam.  
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :  
Test result

| Tên chỉ tiêu<br>Name of analysis norm |      | Phương pháp thử<br>Test method | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|---------------------------------------|------|--------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*       | mg/l | TCVN 6625:2000                 | 23                                |
| 2. Clorua (Cl)*                       | mg/l | TCVN 6194:1996                 | 186                               |
| 3. Độ đục                             | NTU  | SMEWW 2130B:2023               | 21,7                              |
| 4. Nhiệt độ                           | °C   | SMEWW 2550B:2023               | 30,2                              |

**Ghi chú:** Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 9h50.

( \* ): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 24P1O00015 ngày 03/06/2024.

**TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH**



Nguyễn Thị Lệ Hằng

**GIÁM ĐỐC**



*Lê Tuấn Kiệt*

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE<br/>TRUNG TÂM QUAN TRÁC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |
| <p><b>B24.439/TTQT<br/>0809</b></p>                                               | <p><b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>Ngày (Date): 23/10/2024<br/>Trang (Page): 01/02</p>                              |

1. Tên mẫu : Nước thải sau hệ thống xử lý tại cống xả nước thải nhà máy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Mỹ Xuân A2. Vị trí lấy mẫu có toạ độ X: 1174679; Y: 422207.  
*Sample Name*
2. Ngày nhận mẫu : 17/10/2024.  
*Date of receive sample*
3. Khách hàng : Công ty Cổ phần China Steel and Nippon Steel Việt Nam.  
*Customer*
4. Kết quả thử nghiệm :  
*Test result*

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of analysis norm</i>             |           | Phương pháp thử<br><i>Test method</i> | Kết quả thử nghiệm<br><i>Test result</i> |
|----------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------|------------------------------------------|
| 1. Kẽm (Zn)                                              | mg/l      | SMEWW 3120 B: 2023                    | KPH (<0,050)                             |
| 2. Tổng dầu mỡ                                           | mg/l      | SMEWW 5520B:2023                      | KPH (<3,0)                               |
| 3. E.coli**                                              | MPN/100ml | SMEWW 9221B&G:2023                    | (-) (<2,0)                               |
| 4. Tổng Coliform                                         | MPN/100ml | SMEWW 9221B:2023                      | 31                                       |
| 5. COD                                                   | mg/l      | SMEWW 5220.D:2023                     | KPH (<30)                                |
| 6. Nhiệt độ                                              | °C        | SMEWW 2550B:2023                      | 31,0                                     |
| 7. pH                                                    |           | TCVN 6492:2011                        | 6,4                                      |
| 8. Độ đục                                                | NTU       | SMEWW 2130B:2023                      | 1,6                                      |
| 9. Oxi hòa tan (DO)**                                    | mg/l      | TCVN 12026:2018                       | 6,9                                      |
| 10. Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , tính theo N)*  | mg/l      | TCVN 5988:1995                        | KPH (<1,00)                              |
| 11. Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*                         | mg/l      | TCVN 6625:2000                        | KPH (<3,0)                               |
| 12. BOD <sub>5</sub>                                     | mg/l      | TCVN 6001-1:2021                      | KPH (<3,0)                               |
| 13. Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> , tính theo N)* | mg/l      | TCVN 6494-1:2011                      | 2,2                                      |
| 14. Crôm VI (Cr <sup>6+</sup> )                          | mg/l      | TCVN 6658:2000                        | KPH (<0,009)                             |
| 15. Crôm III (Cr <sup>3+</sup> )                         | mg/l      | Tk: TCVN 6658:2000-SMEWW 3120B:2023   | KPH (<0,030)                             |
| 16. Tổng Crôm (Cr)                                       | mg/l      | SMEWW 3120 B: 2023                    | KPH (<0,030)                             |

|                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                        |  |
|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|
|                                     | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE<br/>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |                                                        |  |
| <p><b>B24.439/TTQT<br/>0809</b></p> | <p><b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>Ngày (Date): 23/10/2024<br/>Trang (Page): 02/02</p> |  |

| Tên chỉ tiêu<br><i>Name of analysis norm</i> |      | Phương pháp thử<br><i>Test method</i> | Kết quả thử nghiệm<br><i>Test result</i> |
|----------------------------------------------|------|---------------------------------------|------------------------------------------|
| 17. Tổng N*                                  | mg/l | TCVN 6638:2000                        | KPH (<10,0)                              |
| 18. Tổng P*                                  | mg/l | TCVN 6202:2008                        | KPH (<0,020)                             |
| 19. Cadimi (Cd)                              | mg/l | US EPA 200.8                          | KPH (<0,0020)                            |
| 20. Đồng (Cu)                                | mg/l | SMEWW 3120 B: 2023                    | KPH (<0,050)                             |
| 21. Chì (Pb)                                 | mg/l | US EPA 200.8                          | KPH (<0,0030)                            |
| 22. Niken (Ni)                               | mg/l | SMEWW 3120 B: 2023                    | KPH (<0,050)                             |

**Ghi chú:** Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 10h.

( \* ): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

(\*\*): Chỉ tiêu không được chứng nhận Vimcert, kết quả chỉ để tham khảo.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 24P1O00015 ngày 03/06/2024.

KHP: Không phát hiện.

(-): Âm tính.

**TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH**

**GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Lệ Hằng



*Lê Tuấn Kiệt*